

QUYẾT ĐỊNH

Về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Thanh niên ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (sau đây gọi chung là cán bộ Đoàn, Hội) trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề, bao gồm: các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, dự bị đại học, trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú và trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc tất cả các loại hình trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được quy định tại Luật Giáo dục và Luật Dạy nghề.

Quyết định này không áp dụng đối với cán bộ Đoàn, Hội trong các cơ sở đào tạo và cơ sở dạy nghề thuộc lực lượng vũ trang.

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn, Hội là giảng viên, giáo viên và những người khác kiêm nhiệm công tác Đoàn, Hội

1. Về thời gian làm công tác Đoàn, Hội:

a) Đối với các đại học:

- Bí thư Đoàn, Bí thư Ban cán sự Đoàn là giảng viên được dành 70% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên mà kiêm nhiệm Bí thư Đoàn, Bí thư Ban cán sự Đoàn được dành 70% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Bí thư Đoàn, Phó Bí thư Ban cán sự Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên là giảng viên được dành 60% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Phó Bí thư Đoàn, Phó Bí thư Ban cán sự Đoàn không phải là giảng viên được dành 60% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Chủ tịch Hội Sinh viên là giảng viên được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên mà kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Sinh viên được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

b) Đối với các trường thành viên, khoa trực thuộc các đại học; các học viện, các trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, dự bị đại học (sau đây gọi chung là cấp trường) có từ 10.000 sinh viên, học sinh trở lên:

- Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 70% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên cấp trường được dành 70% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 60% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 60% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

c) Đối với cấp trường có từ 5.000 đến dưới 10.000 sinh viên, học sinh:

- Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 60% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên cấp trường được dành 60% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 40% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 40% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

d) Đối với cấp trường có dưới 5.000 sinh viên, học sinh:

- Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên cấp trường được dành 50% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 40% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Phó Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội Sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 40% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường là giảng viên, giáo viên được dành 30% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Những người không phải là giảng viên, giáo viên mà kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được dành 30% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

đ) Đối với Liên chi đoàn thuộc Đoàn cấp trường có từ 1000 sinh viên, học sinh trở lên:

Bí thư Liên chi đoàn là giảng viên, giáo viên được dành 40% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy để làm công tác Đoàn, Hội. Bí thư Liên chi đoàn không phải là giảng viên, giáo viên được dành 40% thời gian làm việc để làm công tác Đoàn, Hội.

e) Đối với các trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, trung tâm giáo dục thường xuyên:

- Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên, Cố vấn Đoàn các trường từ 28 lớp trở lên được dành 85% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy/tuần để làm công tác Đoàn, Hội;

- Bí thư Đoàn hoặc Trợ lý Thanh niên, Cố vấn Đoàn các trường dưới 28 lớp được dành 70% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy/tuần để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Bí thư Đoàn các trường từ 28 lớp trở lên được dành 50% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy/tuần để làm công tác Đoàn, Hội;

- Phó Bí thư Đoàn các trường dưới 28 lớp được dành 35% thời gian theo định mức giờ chuẩn giảng dạy/tuần để làm công tác Đoàn, Hội.

Các quy định về số lượng sinh viên ở điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ trên đây chỉ tính đối với sinh viên hệ chính quy. Trường hợp vượt định mức thời gian theo quy định, cán bộ Đoàn, Hội là giảng viên, giáo viên được hưởng chế độ vượt giờ; cán bộ Đoàn, Hội không phải là giảng viên, giáo viên được hưởng chế độ làm thêm giờ.

2. Về phụ cấp:

a) Đối với các đại học:

- Bí thư Đoàn, Bí thư Ban cán sự Đoàn được hưởng phụ cấp như cấp Trưởng Ban thuộc đại học;

- Phó Bí thư Đoàn, Phó Bí thư Ban cán sự Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên được hưởng phụ cấp như cấp Phó Trưởng Ban thuộc đại học;

- Phó Chủ tịch Hội Sinh viên được hưởng phụ cấp như cấp Phó Trưởng phòng.

b) Đối với các trường thành viên, khoa trực thuộc các đại học; các học viện, các trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, dự bị đại học:

- Bí thư Đoàn, Trợ lý Thanh niên cấp trường được hưởng phụ cấp như Trưởng phòng;

- Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội sinh viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường được hưởng phụ cấp như Phó Trưởng phòng;

- Phó Chủ tịch Hội Sinh viên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên cấp trường, Bí thư Liên chi đoàn (đối với Liên chi đoàn có từ 1.000 sinh viên, học sinh trở lên) được hưởng phụ cấp như Phó Trưởng Bộ môn thuộc khoa.

c) Đối với các trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, trung tâm giáo dục thường xuyên:

- Bí thư Đoàn, Phó Bí thư Đoàn, Trợ lý Thanh niên và Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên được hưởng phụ cấp như Tổ trưởng chuyên môn;

- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên được hưởng phụ cấp như Tổ phó chuyên môn.

d) Trường hợp cán bộ Đoàn, Hội là giảng viên, giáo viên hoặc không phải là giảng viên, giáo viên giữ chức vụ có phụ cấp tương đương hoặc cao hơn phụ cấp Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng bộ môn, Tổ trưởng chuyên môn, Phó Tổ trưởng chuyên môn thì được hưởng mức phụ cấp cao nhất.

Phụ cấp đối với cán bộ Đoàn, Hội được trả cùng kỳ lương hàng tháng.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn, Hội là học sinh, sinh viên

1. Cán bộ Đoàn, Hội là học sinh, sinh viên được ưu tiên cộng điểm đánh giá kết quả rèn luyện theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được ưu tiên xét cấp học bổng, giới thiệu việc làm và hỗ trợ thêm về điều kiện làm việc, học tập theo khả năng, tình hình thực tế của từng trường.

2. Hàng năm, cán bộ Đoàn, Hội là học sinh, sinh viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tuyên dương, khen thưởng. Kinh phí tổ chức tuyên dương, khen thưởng cán bộ Đoàn, Hội được bố trí trong tổng kinh phí hàng năm cấp cho tổ chức Đoàn, Hội.

3. Cán bộ Đoàn, Hội là học sinh, sinh viên được hỗ trợ hoạt động phí hàng tháng hoặc theo năm học. Căn cứ điều kiện cụ thể, nhà trường quy định mức hỗ trợ hoạt động phí đối với từng chức danh cán bộ Đoàn, Hội.

Điều 4. Các chế độ, chính sách khác

1. Cán bộ Đoàn, Hội được tạo điều kiện về thời gian, được thanh toán công tác phí khi tham gia hoạt động Đoàn, Hội do cấp trên triệu tập theo quy định của pháp luật hiện hành; được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được ưu tiên bố trí chỗ ở ký túc xá; được hưởng phúc lợi xã hội như cán bộ quản lý cùng cấp.

2. Cán bộ Đoàn, Hội có thời gian công tác Đoàn, Hội từ 03 năm liên tục trở lên và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, khi thi tuyển công chức, thi tuyển hoặc xét tuyển viên chức được ưu tiên xem xét tuyển dụng.

3. Bí thư Đoàn, Phó Bí thư Đoàn từ cấp cơ sở trở lên nếu đủ tiêu chuẩn được đưa vào quy hoạch các chức danh lãnh đạo của nhà trường. Đối với cán bộ Đoàn, Hội chủ chốt hoàn thành nhiệm vụ, khi hết tuổi công tác Đoàn, Hội, nhà trường có trách nhiệm luân chuyển sang vị trí tương đương, phù hợp với chuyên môn, có điều kiện để phát triển. Đối với cán bộ chuyên trách công tác Đoàn, Hội khi hết tuổi làm cán bộ Đoàn, Hội, nhà trường có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp.

4. Chế độ, chính sách đối với các chức danh khác của cán bộ Đoàn, Hội được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường, nhưng không cao hơn định mức dành cho cán bộ Đoàn, Hội chủ chốt được quy định ở Quyết định này.

5. Nhà trường có trách nhiệm bố trí phòng làm việc và cơ sở vật chất phù hợp, bảo đảm cho tổ chức Đoàn, Hội hoạt động hiệu quả.

Điều 5. Về số lượng cán bộ chuyên trách

1. Các đại học có 05 trường thành viên, khoa trực thuộc được bố trí ít nhất 03 cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội. Giám đốc các đại học căn cứ đề xuất của tổ chức Đoàn, Hội và điều kiện cụ thể để quyết định số lượng cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội khi số lượng các trường thành viên, khoa trực thuộc thay đổi.

2. Số lượng cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội trong các trường thành viên, khoa trực thuộc các đại học; các học viện, các trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, dự bị đại học:

- Nếu có từ 10.000 sinh viên, học sinh trở lên bố trí ít nhất 03 cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội;

- Nếu có từ 5.000 đến dưới 10.000 sinh viên, học sinh bố trí ít nhất 02 cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội;

- Nếu có dưới 5.000 sinh viên, học sinh bố trí ít nhất 01 cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội.

3. Trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú bố trí tối thiểu 01 cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội. Trung tâm giáo dục thường xuyên có từ 28 lớp trở lên bố trí ít nhất 01 cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn, Hội.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức Đoàn, Hội

1. Tổ chức Đoàn, Hội trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề được nêu tại Quyết định này hoạt động theo Điều lệ của tổ chức mình và quy định của pháp luật; có vai trò và vị trí quan trọng, không thể tách rời trong công tác giáo dục và đào tạo; có trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục theo Luật Giáo dục và Luật Dạy nghề.

2. Tổ chức Đoàn, Hội được cử đại diện là cán bộ chủ chốt tham gia các Ban, Hội đồng liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên trẻ, giáo viên trẻ, cán bộ trẻ, sinh viên và học sinh; cán bộ trẻ, giảng viên trẻ có trách nhiệm tham gia công tác Đoàn, Hội và phong trào thanh niên, sinh viên, học sinh.

3. Kinh phí hoạt động của tổ chức Đoàn, Hội được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề. Tổ chức Đoàn, Hội có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hoạt động hàng năm để giám đốc (hoặc hiệu trưởng) phê duyệt.

Ngoài kinh phí được phân bổ hàng năm, khi được cấp ủy Đảng, tổ chức Đoàn, Hội cấp trên và nhà trường giao nhiệm vụ đột xuất thì tổ chức Đoàn, Hội được lập dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện và được phê duyệt theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2013.

2. Quyết định này thay thế Quyết định 61/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Quyết định này được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban Quốc gia về Thanh niên Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

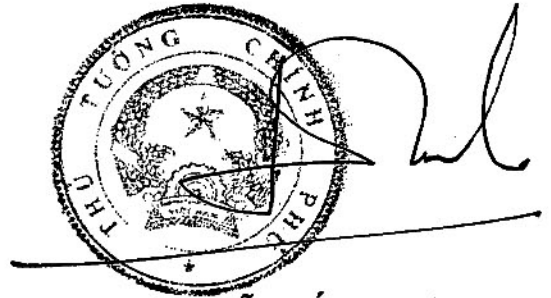
3. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo các cơ sở giáo dục, cơ sở dạy nghề trực thuộc thực hiện và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Quốc gia về Thanh niên Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, V.III (3b). Dn 300

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng